TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PLEIKU** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST Ngày 25-01-2024 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Doãn Thị Lệ
Bà Nguyễn Thị Bắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 677/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Duy T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 488/3 đường Hùng Vương, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt*

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 488/3 đường Hùng Vương, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-10-2023; bản tự khai ngày 09-11-2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Duy T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T1 tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 6 năm 2008 tại Ủy ban Nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, chị và anh Nguyễn Đức T1 thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Nguyễn Đức T1 nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình và hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Hiện tại đời sống chung vợ chồng không thể hòa hợp và đã sống ly thân với nhau, chị nhận thấy không thể nào tiếp tục chung sống với anh Nguyễn Đức T1 được nữa, nếu tiếp tục sống chung cũng không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Đức T1.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Đức T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21-4-2009. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai của anh Nguyễn Đức T1 ngày 09-11-2023, trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Duy T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 6 năm 2008 tại Ủy ban Nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị Nguyễn Thị Duy T hạnh phúc. Thời gian gần đây, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hiểu nhau và không thống nhất được một số vấn đề phát sinh trong cuộc sống vợ chồng, tuy mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình tổ chức hòa giải, động viên hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nguyên nhân bắt đầu từ việc làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình không ổn định. Nay chị Nguyễn Thị Duy T yêu cầu ly hôn anh, anh không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng là bình thường như nhiều gia đình khác và bản thân anh muốn có thêm thời gian để hai vợ chồng xem xét lại mối quan hệ hôn nhân và chăm lo con cái.

Về nuôi con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Duy T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21-4-2009. Trường hợp Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cháu Nguyễn Thị Thảo N cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại Biên bản hòa giải ngày 09-11-2023, chị Nguyễn Thị Duy T trình bày, trường hợp Tòa án giao con cho anh T1 nuôi dưỡng thì chị cũng đồng ý. Tại Đơn trình bày ngày 09-11-2023 cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21-4-2009, trình bày nguyện vọng được sống chung với ba Nguyễn Đức T1 khi cha mẹ ly hôn.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Duy T trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức T1, được nuôi con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, trường hợp Tòa án giao con cho anh T1 nuôi dưỡng thì chị cũng đồng ý. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Pleiku giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Đức T1 có địa chỉ tại phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân thành phố Pleiku có thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đức T1 đã được

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng, hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đức T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Duy T và anh Nguyễn Đức T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ thành phố P, tỉnh Gia Lai ngày 23-6-2008. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Duy T và anh Nguyễn Đức T1 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là từ việc làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình không ổn định. Anh Nguyễn Đức T1 nhiều lần có hành vi bạo lực gia đình. Do đó mâu thuẫn vợ chồng đến nay đã trầm trọng mặc dù đã được gia đình hai bên tổ chức hòa giải, động viên để hàn gắn tình cảm nhưng không thành, hai vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay vẫn tiếp tục sống ly thân, bỏ mặc nhau không còn quan tâm đến nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó.

[4] Tại buổi hòa giải ngày 09-11-2023, chị Nguyễn Thị Duy T vẫn yêu cầu ly hôn anh T1, anh Nguyễn Đức T1 không đồng ý vì mâu thuẫn vợ chồng của anh cũng như mâu thuẫn bao gia đình khác, anh cần có thời gian để hai vợ chồng suy nghĩ thêm mối quan hệ hôn nhân này để cùng nhau chăm sóc con cái, tuy nhiên phiên hòa giải ngày 08-12-2023 chị Nguyễn Thị Duy T và anh Nguyễn Đức T1 đều không đến để hòa giải đoàn tụ gia đình như mong muốn của anh Nguyễn Đức T1. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị Duy T xác định tình cảm của chị đối với anh Nguyễn Đức T1 không còn yêu thương, quý trọng nhau nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Đức T1. Do đó, Tòa án có cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Duy T và anh Nguyễn Đức T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Duy T và anh Nguyễn Đức T1 có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21-4-2009. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cháu Nguyễn Thị Thảo N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên, tại phiên hòa giải ngày 09-11-2023 anh Nguyễn Đức T1 không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn, anh T1 có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động. Chị Nguyễn Thị Duy T thống nhất trường hợp Tòa án giao con cho anh Nguyễn Đức T1 nuôi dưỡng thì chị cũng đồng ý, cả hai thống nhất phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Thị Thảo N được sống chung cùng anh Nguyễn Đức T1 sau khi ba mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21-4-2009 cho anh Nguyễn Đức T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con theo quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Duy T và anh Nguyễn Đức T1 đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con. Xét thấy việc không yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện phù hợp với Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Duy T và anh Nguyễn Đức T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Duy T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy banThường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Duy T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Duy T ly hôn anh Nguyễn Đức T1.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 21-4-2009 cho anh Nguyễn Đức T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Duy T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001300 ngày 03-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị Nguyễn Thị Duy T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP.Pleiku;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND phường Phù Đổng, TP.Pleiku;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Công Tồn